

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2022/HS-ST

Ngày: 09 - 09 -2022.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Khanh.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Đức Bình và ông Vũ Xuân Dự.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Trương Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 09 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 81/2022/TLST - HS ngày 12 tháng 08 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2022/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 08 năm 2022 đối với các bị cáo:

**1. Phạm Văn P** (tên gọi khác: Không); sinh năm 1973 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: Xóm 6, xã L, huyện K tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn P1(đã chết) và bà Phan Thị P2 bị cáo có vợ là Phạm Thị B1 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 1998.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**2. Ninh Văn B** (tên gọi khác: Không); sinh năm 1987 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: Xóm 6, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ninh Văn T và bà Nguyễn Thị T1 bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Lịch sử bản thân: Bản án số 14/2011/HSST ngày 15/7/2011 của TAND huyện K, tỉnh Ninh Bình xử phạt 5.000.000đồng và 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm về tội “Đánh bạc”. B đã thi hành xong ngày 12/9/2011 nên được xóa án tích.

Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**3. Ninh Văn T2** (tên gọi khác: Không); sinh năm 1977 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: Xóm 6, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ninh Văn H1 (đã chết) và bà Đỗ Thị N (đã chết) bị cáo có vợ là Dương Thị P và có 02 con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2003.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**4. Trần Văn T3** (tên gọi khác: Không); sinh năm 1979 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: Xóm V, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H2 và bà Trần Thị T4 (đã chết) bị cáo có vợ là Ninh Thị H3 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**5. Đinh Văn T5** (tên gọi khác: Không); sinh năm 1972 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: Xóm 6, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn T6 và bà Phạm Thị M (đã chết) bị cáo có vợ là Phạm Thị C và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2000.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**6. Ninh Văn B2** (tên gọi khác: Không); sinh năm 1988 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: Xóm 6, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ninh Văn Đ và bà Trần Thị H4 (đã chết) bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H5 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**7. Mai Văn V** (tên gọi khác: Không); sinh năm 1975 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: Xóm 5, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn D (đã chết) và bà Ngô Thị N1 (đã chết) bị cáo có vợ là Hoàng Thị H6 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không.

Lịch sử bản thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0057516/QĐ-XPVPHC ngày 20/4/2020 của Công an huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”. Vĩnh đã thi hành xong ngày 21/4/2020 nên được xóa vi phạm.

Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**8. Mai Xuân H7** (tên gọi khác: Không); sinh năm 1983 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: Xóm 6, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Xuân L và bà Nguyễn Thị Đ1 bị cáo có vợ là Đặng Thị T7 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**9. Bùi Văn K** (tên gọi khác: Không); sinh năm 1983 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: Xóm 4, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn C1 và bà Ninh Thị Đ2 bị cáo có vợ là Trần Thị K và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

+ Anh Nguyễn Văn D1 – sinh năm 1987; trú tại: Xóm 11, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị H – sinh năm 1993; trú tại: Xóm 6, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

+ Anh Lê Văn T8 – sinh năm 1975; trú tại: Xóm 4, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

**- Người làm chứng:** Chị Dương Thị P3; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Buổi tối ngày 13/4/2022 Phạm Văn P, Trần Văn T3, Đinh Văn T5, Ninh Văn B, Mai Văn V, Mai Xuân H7, Bùi Văn K, Ninh Văn B2 đến nhà Ninh Văn T2 ở xóm 6, xã L, huyện K ăn cơm. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, P rủ T5 và T3 đánh bạc bằng hình thức “Liêng”, cả hai đồng ý. P lấy bộ bài tú lơ khơ 52 quân có sẵn ở nhà T2, cả ba ngồi xuống chiếu đã trải sẵn ở phòng khách, thống nhất góp gà 20.000đồng, tổ hết lạng 200.000đồng. P, T5 và T3 đánh bạc được khoảng 30 phút thì T2, B, V, H7, K và B2 cùng tham gia chơi. Quá trình đánh bạc cả nhóm thống nhất nếu người nào có “sáp” hoặc “liêng đồng hoa” thì người chơi khác phải trả thêm số tiền 50.000 đồng và người thắng sẽ bỏ ra ngoài chiếu số tiền 50.000 đồng là tiền công dọn dẹp. Cả nhóm đánh bạc đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 14/4/2022 thì bị Công an huyện K phát hiện, lập biên bản. Thu tại chiếu bạc số tiền 3.560.000 đồng; thu bên ngoài chiếu số tiền 300.000 đồng; 01 chiếu nhựa màu xanh, kích thước (1,6x1,8)m; 01 bộ tú lơ khơ 52 quân. Thu giữ 01 xe mô tô BKS 35K1-107.02 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen của P; 01 xe mô tô BKS 35K1- 260.10 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart VOS 2.5 của B; 01 xe mô tô BKS 60F2-186.xx và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A5s màu đen của K; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime màu đen của V; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6+ màu đen của T3; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh của T5; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu vàng của T2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A5 màu đen của Bàng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu vàng của H7. Ngoài ra còn thu giữ trên người P 01 ví da màu đen và 1.820.000 đồng; trên người T2 01 ví da màu đen và 5.050.000đồng; trên người T3 8.000.000đồng; trên người T5 1.100.000 đồng; trên người B 01 ví da màu nâu và 500.000 đồng; trên người V 9.000.000 đồng; trên người H7 1.000.000 đồng và trên người K 500.000 đồng. Quá trình điều tra chứng minh được số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc gồm: P 1.820.000 đồng, T2 2.550.000 đồng, T3 1.000.000 đồng, T5 1.100.000 đồng, B 500.000 đồng, H7 1.000.000 đồng và K 500.000 đồng. Như vậy tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 12.330.000 đồng.

Quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân.

Bản Cáo trạng số 88/CT-VKS -KS ngày 10/08/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình truy tố các bị cáo Phạm Văn P, Ninh Văn B, Ninh Văn T2,

Trần Văn T3, Đinh Văn T5, Ninh Văn B2, Mai Văn V, Mai Xuân H7 và Bùi Văn K về tội đánh bạc quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn P, Ninh Văn B, Ninh Văn T2, Trần Văn T3, Đinh Văn T5, Ninh Văn B2, Mai Văn V, Mai Xuân H7 và Bùi Văn K phạm tội đánh bạc.

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ninh Văn B.

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn P và Ninh Văn T2. Riêng bị cáo T2 áp dụng thêm tình tiết khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Ninh Văn B từ 15 (*mười lăm*) đến 18 (*mười tám*) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn P từ 15 (*mười lăm*) đến 18 (*mười tám*) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Ninh Văn T2 từ 15 (*mười lăm*) đến 18 (*mười tám*) tháng cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung bị cáo Ninh Văn B, Phạm Văn P và Ninh Văn T2 mỗi bị cáo từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng để sung ngân sách nhà nước.

Khấu trừ 5% đến 10% thu nhập của các bị cáo B, P và T2 trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Văn T3, Đinh Văn T5, Ninh Văn B2, Mai Văn V, Mai Xuân H7, Bùi Văn K. Riêng bị cáo Đinh Văn T5 và Mai Văn V áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T3 từ 25 triệu đồng đến 30 triệu đồng để sung ngân sách nhà nước

Xử phạt bị cáo Đinh Văn T5 từ 25 triệu đồng đến 30 triệu đồng để sung ngân sách nhà nước

Xử phạt bị cáo Ninh Văn B2 từ 25 triệu đồng đến 30 triệu đồng để sung ngân sách nhà nước

Xử phạt bị cáo Mai Văn V từ 25 triệu đồng đến 30 triệu đồng để sung ngân sách nhà nước

Xử phạt bị cáo Mai Xuân H7 từ 20 triệu đồng đến 25 triệu đồng để sung ngân sách nhà nước

Xử phạt bị cáo Bùi Văn K từ 20 triệu đồng đến 25 triệu đồng để sung ngân sách nhà nước

2. Về xử lý vật chứng và áp dụng các biện pháp tư pháp khác: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 12.330.000đ do các bị cáo sử dụng đánh bạc.

- Tịch thu tiêu hủy một 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếu nhựa.

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn T3 số tiền 7.000.000đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6+ màu đen nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Mai Văn V số tiền 9.000.000đ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime màu đen nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Ninh Văn T2 số tiền 2.500.000đ cùng 01 ví da màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu vàng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Văn P 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen và 01 ví da màu đen nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Đinh Văn T5 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Ninh Văn B2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A5 màu đen, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Mai Xuân H7 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu vàng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Bùi Văn K 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A5s màu đen nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Ninh Văn B 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart VOS 2.5, một ví da màu nâu nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Phạm Văn P, Ninh Văn B, Ninh Văn T2, Trần Văn T3, Đinh Văn T5, Ninh Văn B2, Mai Văn V, Mai Xuân H7 và Bùi Văn K phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa như nội dung cáo trạng, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với biên bản vi phạm hành chính lập hồi 01 giờ 30 phút ngày 14 tháng 4 năm 2022 tại xóm 6, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình phù hợp với vật chứng đã thu giữ đồng thời phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 21 giờ 30 phút ngày 13/4/2022 đến 01 giờ 30 phút ngày 14/4/2022 tại phòng khách nhà Ninh Văn T2 ở xóm 6, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Phạm Văn P, Ninh Văn B, Ninh Văn T2, Trần Văn T3, Đinh Văn T5, Ninh Văn B2, Mai Văn V, Mai Xuân H7 và Bùi Văn K đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức “Liêng” được thua bằng tiền, với tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 12.330.000đồng.

Đối chiếu với quy định của pháp luật thì hành vi phạm tội của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội đánh bạc. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1,3 Điều 321 Bộ luật Hình sự

**“Điều 321. Tội đánh bạc**

*1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

...

*3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.*

[2] Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ việc đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do đó cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục, cải tạo các bị cáo đồng thời có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Phạm Văn P, Ninh Văn B, Ninh Văn T5, Trần Văn T3, Đinh Văn T5, Ninh Văn B2, Mai Văn V, Mai Xuân H7 và Bùi Văn K không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội tất cả các bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo Phạm Văn P, Ninh Văn T2, Trần Văn T3, Đinh Văn T5, Ninh Văn B2, Mai Văn V, Mai Xuân H7 và Bùi Văn K phạm tội thuộc trường hợp phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy các bị cáo Phạm Văn P, Ninh Văn T2, Trần Văn T3, Đinh Văn T5, Ninh Văn B2, Mai Văn V, Mai Xuân H7 và Bùi Văn K đều được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Ninh Văn B chỉ được hưởng tình tiết giảm nhẹ người phạm tội thành khẩn khai báo ăn năn hối cải được quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bố bị cáo Ninh Văn T2 là ông Ninh Văn H1 được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba năm 2000. Bố bị cáo Đinh Văn T5 là ông Đinh Văn T6 được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất năm 2000. Như vậy hai bị cáo T2 và T5 thuộc trường hợp con của người có công. Bị cáo Mai Văn V có hồ sơ bệnh án về việc đang mắc bệnh viêm gan C. Nên các bị cáo T2 và T5 và V được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về nhân thân và vị trí, vai trò của các bị cáo:

Đây và vụ án có nhiều bị cáo tham gia nhưng không có sự bàn bạc thống nhất phân công vai trò trách nhiệm cho từng bị cáo mà là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn nên khi xem xét, quyết định hình phạt cũng cần phân tích đánh giá tính chất vai trò, trách nhiệm của từng bị cáo để cá thể hóa mức hình phạt cho phù hợp:

Giữ vai trò chính và cao nhất trong vụ án là ba bị cáo Ninh Văn B, Phạm Văn P và Ninh Văn T2. Bị cáo P là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác đánh bạc, bị cáo T2 là người đã sử dụng chính nhà mình cho các đối tượng đánh bạc, đồng thời bị cáo T2 cùng trực tiếp tham gia đánh bạc và có số tiền sử dụng vào việc đánh bạc cao nhất trong vụ án, bị cáo Ninh Văn B là người có nhân thân xấu. Do vậy vai trò của ba bị cáo là ngang nhau và cao hơn các bị cáo còn lại. Tuy nhiên do số tiền các bị cáo huy động vào việc đánh bạc không lớn, bị cáo T2 và P đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, cả ba bị cáo đều có tiền án tiền sự và có nơi cư trú ổn định rõ ràng. Nhận thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của chính quyền địa phương là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và cũng đủ điều kiện cải tạo các bị cáo thành người công dân tốt cho gia đình và xã hội. Khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo Ninh Văn B, Phạm Văn P và Ninh Văn T2 là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự

Giữ vai trò thứ hai trong vụ án là các bị cáo Trần Văn T3, Đinh Văn T5, Ninh Văn B2, Mai Văn V. Trong đó hai bị cáo T3 và T5 tham gia đánh bạc sát phạt nhau từ đầu cho đến khi bị bắt quả tang, bị cáo B2 có số tiền sử dụng vào việc đánh bạc nhiều thứ hai trong vụ án sau bị cáo T2. Bị cáo V đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc tuy nhiên đã được xóa vi phạm. Như vậy vai trò của bốn bị cáo T3, T5, B2, V là như nhau thấp hơn B, T2, P nhưng cao hơn các bị cáo còn lại. Xét tính chất vai trò, nhân thân của bốn bị cáo thì các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự, và có nơi cư trú ổn định rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng mức hình phạt chính bằng tiền đối với các bị cáo cũng đủ điều kiện răn đe, giáo dục các bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

Giữ vai trò cuối cùng trong vụ án là hai bị cáo Mai Xuân H7 và Bùi Văn K, hai bị cáo H7 và K vào tham gia đánh bạc sau cùng đồng thời cả hai bị cáo cũng có số tiền sử dụng vào việc đánh bạc thấp hơn các bị cáo khác. Như vậy vai trò của hai bị cáo H7 và K là như nhau thấp hơn B, T2, P, T3, T5, B2, V. Xét tính chất vai trò, nhân thân của ba bị cáo thì các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự, và có nơi cư trú ổn định rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Các bị cáo đều đang có công ăn việc làm ổn định tạo ra của cải vật chất cho gia đình và xã hội, việc các bị cáo đánh bạc là do ham vui, nhất thời phạm tội. Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng mức hình phạt chính bằng tiền đối với các bị cáo cũng đủ điều kiện răn đe, giáo dục các bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả 01 xe mô tô BKS 35K1-107.02 cho anh Nguyễn Văn D1 là chủ sở hữu hợp pháp, trả 01 xe mô tô BKS 35K1- 260.10 là tài sản của chị Nguyễn Thị H là chủ sở hữu hợp pháp và trả 01 xe mô tô BKS: 60F2- 186.67 cho anh Lê Văn T2 là chủ sở hữu hợp pháp do anh T2 cho bị cáo K mượn. Việc xử lý vật chứng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã đúng về trình tự, thủ tục và thẩm quyền do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Những vật chứng còn lại của

vụ án căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự xử lý như sau:

- Đối với số tiền 12.330.000đ do các bị cáo sử dụng đánh bạc nay cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- Đối với một 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc nhựa đã cũ các bị cáo sử dụng để đánh bạc nay không còn giá trị nay cần tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 7.000.000đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6+ màu đen của Trần Văn T do không liên quan đến việc phạm tội nay trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Số tiền 9.000.000đ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime màu đen của Mai Văn V do không liên quan đến việc phạm tội nay trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Số tiền 2.500.000đ cùng 01 ví da màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu vàng thu giữ của Ninh Văn T do không liên quan đến việc phạm tội nay trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen và 01 ví da màu đen của Phạm Văn P do không liên quan đến việc phạm tội nay trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh của Đinh Văn T5 do không liên quan đến việc phạm tội nay trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A5 màu đen của Ninh Văn B2 do không liên quan đến việc phạm tội nay trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu vàng của Mai Xuân H7 do không liên quan đến việc phạm tội nay trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A5s màu đen của Bùi Văn K do không liên quan đến việc phạm tội nay trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart VOS 2.5, một ví da màu nâu của Ninh Văn B do không liên quan đến việc phạm tội nay trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo P, B, T2, T3, T5, B2, V, H7, K là những người bị kết án nên mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

[7] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện k, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố



tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

Vì các lẽ trên

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Ninh Văn B

Căn cứ khoản 1,3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn P và Ninh Văn T2. Riêng bị cáo Ninh Văn T2 áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trần Văn T3, Đinh Văn T5, Ninh Văn B2, Mai Văn V, Mai Xuân H7, Bùi Văn K. Hai bị cáo Đinh Văn T5 và Mai Văn V áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Tuyên bố các bị cáo Ninh Văn B, Phạm Văn P, Ninh Văn T2, Trần Văn T3, Đinh Văn T5, Ninh Văn B2, Mai Văn V, Mai Xuân H7, Bùi Văn K phạm tội đánh bạc.**

1.1. Xử phạt bị cáo Ninh Văn B 18 (*mười tám*) tháng cải tạo không giam giữ.

1.2. Xử phạt bị cáo Phạm Văn P 18 (*mười tám*) tháng cải tạo không giam giữ.

1.3 Xử phạt bị cáo Ninh Văn T2 18 (*mười tám*) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 5% thu nhập của các bị cáo Ninh Văn B, Phạm Văn P, Ninh Văn T2 trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung bị cáo Ninh Văn B 10 triệu đồng để sung ngân sách nhà nước

Phạt bổ sung bị cáo Phạm Văn P 10 triệu đồng để sung ngân sách nhà nước.

Phạt bổ sung bị cáo Ninh Văn T2 10 triệu đồng để sung ngân sách nhà nước.

Giao bị cáo Ninh Văn B, Phạm Văn P, Ninh Văn T2 cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình là nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

1.4. Xử phạt bị cáo Trần Văn T3 27 triệu đồng để đồng sung ngân sách nhà nước.

1.5. Xử phạt bị cáo Đinh Văn T5 27 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

1.6. Xử phạt bị cáo Ninh Văn B2 26 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

1.7. Xử phạt bị cáo Mai Văn V 25 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

1.8. Xử phạt bị cáo Mai Xuân H7 23 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

1.9. Xử phạt bị cáo Bùi Văn K 23 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

**2. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:**

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 12.330.000đ.
- Tịch thu tiêu hủy một 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc nhựa đã cũ.
- Trả lại cho bị cáo Trần Văn T3 số tiền 7.000.000đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6+ màu đen nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.
- Trả lại cho bị cáo Mai Văn V số tiền 9.000.000đ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime màu đen nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.
- Trả lại cho bị cáo Ninh Văn T3 số tiền 2.500.000đ cùng 01 ví da màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu vàng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.
- Trả lại cho bị cáo Phạm Văn P 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen và 01 ví da màu đen nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.
- Trả lại cho bị cáo Đinh Văn T5 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.
- Trả lại cho bị cáo Ninh Văn B2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A5 màu đen, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.
- Trả lại cho bị cáo Mai Xuân H7 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu vàng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.
- Trả lại cho bị cáo Bùi Văn K 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A5s màu đen nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.
- Trả lại cho bị cáo Ninh Văn B 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart VOS 2.5, một ví da màu nâu nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

*( Chi tiết vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 25 tháng 08 năm 2022 và giấy ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử ngày 25 tháng 08 năm 2022 giữa Công an huyện K với Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình).*

**3. Về án phí:** Buộc các bị cáo Phạm Văn P, Ninh Văn B, Ninh Văn T2, Trần Văn T3, Đinh Văn T5, Ninh Văn B2, Mai Văn V, Mai Xuân H7 và Bùi Văn K mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/09/2022). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình: 01 bản
- VKSND tỉnh Ninh Bình: 01 bản.
- VKSND huyện K: 02 bản

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

- Cơ quan Điều tra CA huyện K: 01 bản
- Cơ quan THA hình sự CA huyện K: 01 bản.
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình: 01 bản.
- Chi cục THA dân sự huyện K: 01 bản
- Bị cáo: 09 bản
- Người có QLNV liên quan đến vụ án: 03 bản.
- UBND xã L: 03 bản.
- Lưu hồ sơ: 01 bản.
- Lưu VP: 02 bản.

**(Đã ký)**  
**Trần Thị Khanh**